Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 4502.00.00

Mã HS	4502.00.00
Mô tả hàng hóa	Lie tự nhiên, đã bóc vỏ hoặc đã đẽo thô thành hình vuông, hoặc ở dạng khối, tấm, lá, hình chữ nhật (kể cả hình vuông) hoặc dải (kể cả dạng phôi lie đã cắt cạnh dùng làm nút hoặc nắp đậy)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	09/11/2026 05:24:14
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/45020000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K7174
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N7174
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q7174
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E6947
ATIGA	2022	2022	0	AT!E6902
ATIGA	2023	2023	0	AT!F6902
ATIGA	2024	2024	0	AT!G6902
ATIGA	2025	2025	0	AT!H6902
ATIGA	2026	2026	0	AT!I6902
ATIGA	2027	2027	0	AT!J6902
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E6952
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F6952

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G6952
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H6952
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I6952
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J6952
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E6954
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F6954
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G6954
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H6954
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I6954
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J6954
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F6954
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H6908
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F6910
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G6910
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H6910
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I6910
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J6910
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K6910
VKFTA	2022	2022	0	VK!E6930
VKFTA	2023	2023	0	VK!F6930
VKFTA	2024	2024	0	VK!G6930
VKFTA	2025	2025	0	VK!H6930
VKFTA	2026	2026	0	VK!I6930
VKFTA	2027	2027	0	VK!J6930
VCFTA	2022	2022	5	VC!D6985
VCFTA	2023	2023	5	VC!E6985

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F6985
VCFTA	2025	2025	0	VC!G6985
VCFTA	2026	2026	0	VC!H6985
VCFTA	2027	2027	0	VC!I6985
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D6965
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E6965
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F6965
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G6965
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H6965
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I6965
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D6973
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E6973
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F6973
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G6973
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H6973
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I6973
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D6966
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E6966
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F6966
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G6966
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H6966
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I6966
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D6967
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E6967
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F6967
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G6967

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H6967
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I6967
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D6933
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E6933
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F6933
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G6933
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H6933
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I6933
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J6933
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D6967
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E6967
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F6967
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G6967
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H6967
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I6967
RCEP B	2022	2022	0	B!D6967
RCEP B	2023	2023	0	B!E6967
RCEP B	2024	2024	0	B!F6967
RCEP B	2025	2025	0	B!G6967
RCEP B	2026	2026	0	B!H6967
RCEP B	2027	2027	0	B!I6967
RCEP C	2022	2022	0	C!D6967
RCEP C	2023	2023	0	C!E6967
RCEP C	2024	2024	0	C!F6967
RCEP C	2025	2025	0	C!G6967
RCEP C	2026	2026	0	C!H6967

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I6967
RCEP D	2022	2022	0	D!D6967
RCEP D	2023	2023	0	D!E6967
RCEP D	2024	2024	0	D!F6967
RCEP D	2025	2025	0	D!G6967
RCEP D	2026	2026	0	D!H6967
RCEP D	2027	2027	0	D!I6967
RCEP E	2022	2022	0	E!D6970
RCEP E	2023	2023	0	E!E6970
RCEP E	2024	2024	0	E!F6970
RCEP E	2025	2025	0	E!G6970
RCEP E	2026	2026	0	E!H6970
RCEP E	2027	2027	0	E!I6970
RCEP F	2022	2022	0	F!D6967
RCEP F	2023	2023	0	F!E6967
RCEP F	2024	2024	0	F!F6967
RCEP F	2025	2025	0	F!G6967
RCEP F	2026	2026	0	F!H6967
RCEP F	2027	2027	0	F!I6967
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F6440
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G6440
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H6440
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I6440

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4502.00.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 4502.00.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N7174), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.